

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế
lĩnh vực tuyển sinh quân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BQP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh quân sự vào các trường Quân đội;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực tuyển sinh quân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 6184/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố Bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP³⁰;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW⁶³;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Cục Nhà trường/BTTM;
- VPBQP: CVP, PCVP (CCHC); Vụ pháp chế BQP;
Cổng TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. Tr177.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Huy Vịnh

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ LĨNH VỰC TUYỂN SINH QUÂN SỰ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 3002 /QĐ-BQP ngày 07 tháng 7 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Phần 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy định nội dung TTHC thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1		Thủ tục tuyển sinh theo chế độ cử tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Thông tư số 31/2023/TT-BQP ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng BQP ban hành quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh quân sự vào các trường Quân đội	Tuyển sinh quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1		Thủ tục tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy	Thông tư số 31/2023/TT-BQP ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng BQP ban hành quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh quân sự vào các trường Quân đội	Tuyển sinh quân sự	Ban chỉ huy quân sự cấp huyện
2		Thủ tục tuyển sinh đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở			Ban chỉ huy quân sự cấp huyện

thl

Phần 2. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC TUYỂN SINH QUÂN SỰ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Thủ tục tuyển sinh theo chế độ cử tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ chỉ tiêu cử tuyển do Bộ Quốc phòng giao, Ban Tuyển sinh quân sự và cơ quan chức năng các quân khu hoặc tương đương phân bổ chỉ tiêu cho các đơn vị, địa phương trực thuộc và chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện, chỉ tiêu phải bảo đảm đúng cơ cấu vùng miền.

Bước 2: Ban Tuyển sinh quân sự và cơ quan chức năng cấp sư đoàn, tỉnh và tương đương tổ chức sơ tuyển và hướng dẫn thí sinh làm hồ sơ theo mẫu quy định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, thực hiện xong trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

Bước 3: Ban Tuyển sinh quân sự các cấp xét duyệt hồ sơ, thông qua cấp ủy cùng cấp và báo cáo đề nghị với các trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

Bước 4: Hội đồng tuyển sinh các trường thẩm định, báo cáo đề nghị với Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng (qua Cơ quan Thường trực) trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

Bước 5: Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với Cục Cán bộ thuộc Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực, Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng Tham mưu thẩm định và đề xuất danh sách đủ tiêu chuẩn cử tuyển xong trước ngày 10 tháng 8 hằng năm; tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định trước ngày 30 tháng 8 hằng năm.

Cách thức thực hiện: Thí sinh làm hồ sơ theo mẫu quy định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng nộp cho Ban Tuyển sinh cấp sư đoàn, cấp tỉnh và tương đương.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển.
- 03 phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 phiếu khám sức khỏe.
- 01 bản thẩm tra, xác minh lý lịch.
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính giấy khai sinh.
- Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh chưa được cấp bằng tốt nghiệp.

- Bản sao học bạ trung học phổ thông.

- Giấy xác nhận là con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh; các giấy xác nhận đối tượng mà thí sinh được hưởng ưu tiên xét cử tuyển (nếu có).

- Xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú. Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện chịu trách nhiệm xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú của thí sinh dự tuyển. Việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Tổ chức sơ tuyển và thí sinh làm hồ sơ, thực hiện xong trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

- Xét duyệt và báo cáo đề nghị với các trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

- Hội đồng tuyển sinh các trường thẩm định, báo cáo đề nghị với Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

- Thẩm định và đề xuất danh sách đủ tiêu chuẩn cử tuyển xong trước ngày 10 tháng 8 hằng năm; tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định trước ngày 30 tháng 8 hằng năm.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tập thể, cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Trưởng ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp sư đoàn, cấp tỉnh và tương đương.

- Cơ quan phối hợp: Cục Cán bộ thuộc Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực, Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng Tham mưu.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định vào học của Trưởng Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

Lệ phí:

- Phí sơ tuyển: 50.000 đồng/hồ sơ.

- Phí đăng ký xét tuyển: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đăng ký cử tuyển (Mẫu số 1 kèm theo).
- Phiếu đăng ký dự tuyển (tờ khai) theo quy định của Bộ Quốc phòng (Mẫu số 2, Mẫu số 3 kèm theo).
- Phiếu khám sức khỏe.
- Bản xác minh lý lịch chính trị.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Yêu cầu về đối tượng, vùng tuyển

1. Người dân tộc thiểu số rất ít người.
2. Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chưa đạt theo quy định:

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 15% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 30% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 40% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 50% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

* Điều kiện

Đối tượng được xét cử tuyển vào đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp trong Quân đội phải qua sơ tuyển, có đủ các tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, sức khỏe, độ tuổi, phải ở trong vùng xét tuyển vùng tuyển và phải có đủ các điều kiện sau:

1. Tiêu chuẩn chung

- Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này.

- Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển về chính trị, đạo đức, sức khỏe theo quy định của Bộ Quốc phòng gồm:

+ Tiêu chuẩn chính trị đạo đức: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 31/2023/TT-BQP.

+ Tiêu chuẩn sức khỏe: Đào tạo đại học, cao đẳng quân sự: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 31/2023/TT-BQP. Đào tạo trung cấp quân sự: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Thông tư số 31/2023/TT-BQP.

- Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

2. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 56 Thông tư số 31/2023/TT-BQP người học được cử tuyển vào đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt.

- Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên.

- Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại 1 Điều 56 Thông tư số 31/2023/TT-BQP, người học được cử tuyển vào cao đẳng phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt.

- Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên.

- Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại 1 Điều 56 Thông tư số 31/2023/TT-BQP, người học được cử tuyển vào trung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông.
- Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học cuối đạt loại khá trở lên.
- Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên.
- Có thời gian học đủ 04 năm học và tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

5. Được Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương sơ tuyển, báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đề nghị; Hội đồng tuyển sinh các trường thẩm định, đề nghị; được Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng quyết định vào học.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.
- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014.
- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015.
- Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015.
- Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.
- Thông tư số 31/2023/TT-BQP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Thủ tục tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thí sinh phải tự mình viết kê khai các mẫu biểu, hồ sơ sơ tuyển thuộc phần quy định thí sinh tự khai và trực tiếp đến nộp hồ sơ sơ tuyển cho Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện (đối với thanh niên ngoài Quân đội), cấp trung đoàn (đối với quân nhân tại ngũ) theo đúng thời gian quy định. Khi đến nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, thí sinh phải mang Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ tùy thân khác để đối chiếu.

Bước 2: Ban Tuyển sinh cấp huyện tổ chức khám sơ tuyển sức khỏe (do Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cấp huyện thực hiện).

Bước 3: Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện tổ chức xác minh chính trị, gồm: Tình hình kinh tế, chính trị của gia đình; tình hình bản thân thí sinh; người cung cấp lý lịch. Xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển kết luận cụ thể những trường hợp đủ tiêu chuẩn và những trường hợp không đủ tiêu chuẩn; tổng hợp số đủ tiêu chuẩn được dự tuyển theo từng trường, nộp hồ sơ và danh sách về Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh; trường hợp không đủ tiêu chuẩn dự tuyển phải thông báo lý do cụ thể tới thí sinh.

Bước 4: Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh xét duyệt kết quả đề nghị của cấp huyện; tổng hợp, bàn giao hồ sơ sơ tuyển, danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển, danh sách thí sinh có nơi thường trú phía Nam nhưng thuộc diện hưởng điểm chuẩn đối với thí sinh các tỉnh phía Bắc cho các trường và báo cáo về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

Bước 5: Các trường tổ chức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển:

- Thành phần tổ xét duyệt do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường quyết định, gồm: Cán bộ ngành bảo vệ, thanh tra và các cơ quan chức năng của trường.

- Tổ chức xét duyệt hồ sơ chặt chẽ, kiểm tra ảnh, lý lịch chính trị gia đình, kết quả khám sức khỏe, chính sách ưu tiên và các nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định để kết luận thí sinh đủ tiêu chuẩn hay không dự tuyển.

- + Trường hợp xác minh lý lịch của thí sinh do người đăng ký dự tuyển tự khai, tự xin xác nhận của cấp ủy địa phương; cấp ủy địa phương kết luận không rõ về lịch sử chính trị và điều kiện phát triển vào Đảng Cộng sản Việt Nam; hồ sơ không dán ảnh, không đóng dấu hoặc đóng dấu không rõ thì Hội đồng tuyển sinh trường trả hồ sơ cho Ban Tuyển sinh các địa phương để bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định.

- + Trường hợp có nghi vấn, hoặc có nội dung chưa rõ, Hội đồng tuyển sinh trường phải yêu cầu Ban Tuyển sinh các địa phương đăng ký dự tuyển xác minh làm rõ.

- + Trường hợp thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội đã nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, qua xét duyệt các trường kết luận không đủ tiêu chuẩn dự tuyển, các trường phải thông báo cho Ban Tuyển sinh quân sự nơi thí sinh đăng ký dự tuyển và thí sinh biết.

- Tổng hợp báo cáo kết quả xét duyệt hồ sơ về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho các địa phương trước ngày 20 tháng 6; gửi phiếu báo kết quả cho thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trước ngày 27 tháng 6 hằng năm.

Cách thức thực hiện: Thí sinh trực tiếp đăng ký tại Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện.

Thành phần hồ sơ:

- 03 phiếu đăng ký sơ tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 phiếu khám sức khỏe.
- 01 bản thăm tra, xác minh lý lịch.
- 01 giấy chứng nhận được hưởng ưu tiên đối với những thí sinh thuộc diện ưu tiên (nếu có).
- 04 ảnh chân dung cỡ 4 x 6cm theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian tổ chức khám sức khỏe cho thí sinh đăng ký dự tuyển vào 02 đợt:
 - + Đợt 1: Vào tuần 3 và tuần 4 tháng 4 hằng năm.
 - + Đợt 2: Vào tuần 2 tháng 5 hằng năm.
- Kết quả xét duyệt về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng và thông báo cho các địa phương trước ngày 20 tháng 6; gửi phiếu báo cho thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trước ngày 27 tháng 6 hằng năm.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tập thể, cá nhân.**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng Tuyển sinh các học viện, trường sĩ quan.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu báo cho thí sinh.**Lệ phí:**

- Phí sơ tuyển: 50.000 đồng/hồ sơ. Riêng sơ tuyển các ngành năng khiếu: 120.000 đồng/hồ sơ (bao gồm tất cả các môn).
- Phí đăng ký xét tuyển: Theo quy định hằng năm của các học viện, trường.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (tờ khai) theo quy định của Bộ Quốc phòng (Mẫu số 2 kèm theo).
- Phiếu khám sức khỏe.
- Bản xác minh lý lịch.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức

Thí sinh tự nguyện đăng ký dự tuyển vào các trường trong Quân đội; khi trúng tuyển vào học phải tuyệt đối chấp hành sự phân công công tác của nhà trường và Bộ Quốc phòng.

- Thực hiện theo Thông tư số 05/2019/TT-BQP ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chính trị của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Thông tư số 02/2023/TT-BQP ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đối tượng, tiêu chuẩn đào tạo cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Phẩm chất đạo đức tốt, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Trường hợp thí sinh là quân nhân phải được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian phục vụ tại ngũ.

2. Tiêu chuẩn về văn hóa, độ tuổi

- Trình độ văn hóa: Tính đến thời điểm xét tuyển, đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên).

- Độ tuổi:

+ Quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân từ 18 đến 23 tuổi (tính đến năm dự tuyển).

+ Thanh niên ngoài Quân đội từ 17 đến 21 tuổi (tính đến năm dự tuyển).

3. Tiêu chuẩn về sức khỏe

* Tiêu chuẩn chung: Tuyển chọn thí sinh (cả nam và nữ) đạt điểm 1 và điểm 2 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP), theo các chỉ tiêu: Thở lực (trừ chiều cao, cân nặng có quy định riêng); mắt (trừ tật khúc xạ cận thị có quy định riêng); tai-mũi-họng; răng-hàm-mặt; nội khoa; tâm thần kinh; ngoại khoa; da liễu và sản phụ khoa (đối với nữ).

* Một số tiêu chuẩn riêng, như sau:

- Đối với các trường đào tạo sĩ quan chỉ huy, chính trị, hậu cần: Gồm các học viện: Hậu cần, Phòng không - Không quân, Hải quân, Biên phòng và các trường Sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Pháo binh, Công binh, Tăng Thiết giáp, Thông tin, Đặc công, Phòng hóa:

+ Về thể lực: Tuyển thí sinh nam cao từ 1,65 m trở lên, cân nặng từ 50 kg trở lên; thí sinh nữ (nếu có) phải đạt điểm 1 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP (cao từ 1,54 m trở lên, cân nặng từ 48 kg trở lên).

+ Về Mắt: Không tuyển thí sinh mắc tật khúc xạ cận thị.

- Đối với các trường đào tạo sĩ quan chuyên môn kỹ thuật: Gồm các học viện: Kỹ thuật quân sự, Quân y, Khoa học quân sự và Hệ đào tạo kỹ sư hàng không thuộc Học viện Phòng không - Không quân:

+ Về thể lực: Tuyển thí sinh nam cao từ 1,63 m trở lên, cân nặng từ 50 kg trở lên; thí sinh nữ (nếu có) phải đạt điểm 1 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP.

+ Về Mắt: Được tuyển thí sinh (cả nam và nữ) mắc tật khúc xạ cận thị không quá 3 đi-ốp, kiểm tra thị lực sau chỉnh kính đạt điểm 1 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP (thị lực mắt phải đạt 10/10; tổng thị lực 2 mắt đạt 19/10 trở lên).

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên thuộc khu vực 1, hải đảo và thí sinh là người dân tộc thiểu số: Các trường được tuyển thí sinh nam đạt chiều cao từ 1,60 m trở lên, cân nặng từ 48 kg trở lên; thí sinh nữ đạt chiều cao từ 1,52 m trở lên, cân nặng từ 46 kg trở lên; các tiêu chí khác thực hiện như đối với thí sinh dự tuyển nói chung.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số thuộc 16 dân tộc rất ít người theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (gồm các dân tộc: Công, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ): Các trường được tuyển thí sinh nam đạt chiều cao từ 1,58 m trở lên, nặng 46 kg trở lên; thí sinh nữ phải đạt chiều cao từ 1,52 m trở lên, nặng 44 kg trở lên; các tiêu chuẩn khác thực hiện như đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số nói chung.

- Đối tượng đào tạo sĩ quan của các quân, binh chủng nếu tuyển chọn sức khỏe theo các tiêu chuẩn riêng vẫn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung.

- Tuyển sinh đào tạo phi công tại Trường Sĩ quan Không quân, chỉ tuyển chọn thí sinh đã được Quân chủng Phòng Không - Không quân tổ chức khám tuyển sức khỏe, kết luận đủ điều kiện xét tuyển vào đào tạo phi công quân sự. Thí sinh đã qua hai vòng khám sức khỏe đào tạo phi công quân sự do Quân chủng Phòng không - Không quân khám và kết luận đủ điều kiện sức khỏe thì không phải khám sức khỏe khi tiến hành sơ tuyển tại Ban Chỉ huy quân sự cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt

Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014.

- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015.

- Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015.

- Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019.

- Thông tư số 31/2023/TT-BQP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội.

II. Thủ tục đăng ký tuyển sinh đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thí sinh dự tuyển đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở hệ chính quy đăng ký dự tuyển riêng theo chỉ tiêu đã phân bổ cho các quân khu.

Bước 2: Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện:

- Trực tiếp phổ biến quán triệt trách nhiệm, quyền lợi của thí sinh thực hiện nhiệm vụ đào tạo;

- Hướng dẫn thí sinh làm hồ sơ theo mẫu quy định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng;

- Thí sinh kê khai và nộp hồ sơ, ký xác nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển, tham gia khám sức khỏe, xác minh chính trị thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Thông tư số 31/2023/TT-BQP;

- Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức sơ tuyển, thẩm tra xác minh chính trị thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 25 tháng 4 hằng năm; báo cáo danh sách và hồ sơ thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh trước ngày 26 tháng 4 hằng năm.

Bước 3: Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh: Thẩm định hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển xong trước ngày 02 tháng 5 hằng năm; thông qua Ban Chỉ đạo đào tạo cùng cấp, báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo cùng cấp hướng dẫn thí sinh làm thủ tục và đăng ký dự kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; báo cáo danh sách, hồ sơ thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự quân khu trước ngày 05 tháng 5 hằng năm (riêng hồ sơ thí sinh cử tuyển xong trước ngày 15 tháng 6 hằng năm).

Bước 4: Ban Tuyển sinh quân sự quân khu, Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Tổ chức thẩm định, xét duyệt thông qua Ban Chỉ đạo đào tạo cùng cấp; báo cáo danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng (qua Cục Nhà trường, Cục Dân quân tự vệ); bàn giao danh sách, hồ sơ thí sinh về Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan

Lục quân 2 theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 31/2023/TT-BQP; báo cáo danh sách thí sinh và hồ sơ đề nghị cử tuyển về các trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

Bước 5: Hội đồng tuyển sinh Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2: Tổ chức xét duyệt hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển; tổng hợp báo cáo kết quả xét duyệt về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, thông báo cho các đơn vị, địa phương sau 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Các đơn vị, địa phương thông báo cho thí sinh ngay sau khi nhận được thông báo của Hội đồng tuyển sinh các trường.

Bước 6: Căn cứ vào quy định điểm chuẩn của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, hiệu trưởng các trường thông báo kết quả xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển tới các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh sách thí sinh trúng tuyển và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cử thí sinh trúng tuyển đi đào tạo đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp đăng ký tại Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

Thành phần hồ sơ:

- 03 phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 đơn đăng ký dự tuyển của thí sinh.
- 01 bản sao giấy khai sinh.
- 01 bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; nếu là thí sinh dự tuyển đào tạo liên thông có thêm bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; thí sinh xét tuyển thẳng và cử tuyển có thêm bản sao học bạ trung học phổ thông.
- 01 bản thẩm tra, xác minh lý lịch.
- 01 phiếu sức khỏe tuyển sinh quân sự.
- 01 bản xác nhận của cấp ủy Đảng cấp xã là cán bộ trong nguồn quy hoạch cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đề nghị trên xét đi đào tạo và hướng sử dụng sau đào tạo.
- 01 giấy chứng nhận được hưởng ưu tiên đối với những thí sinh thuộc diện ưu tiên.
- 04 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc.
- Trường hợp thí sinh xét cử tuyển có thêm bản sao học bạ và giấy xác nhận thường trú, thời gian thường trú. Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện chịu trách nhiệm xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú của thí sinh dự tuyển. Việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về

sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức sơ tuyển, thẩm tra xác minh chính trị trước ngày 25 tháng 4 hằng năm.

- Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh:

+ Thẩm định hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển xong trước ngày 02 tháng 5 hằng năm.

+ Báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự quân khu trước ngày 05 tháng 5 hằng năm; riêng hồ sơ thí sinh cử tuyển xong trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

- Ban Tuyển sinh quân sự quân khu, Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao danh sách thí sinh và hồ sơ đề nghị cử tuyển về các trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

- Hội đồng Tuyển sinh Trường sĩ quan Lục quân 1, 2 thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ tuyển sinh đại học, cao đẳng cho các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội trước ngày 27 tháng 6 hằng năm.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tập thể, Cá nhân

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng Tuyển sinh Trường sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Không

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ.

Lệ phí:

- Phí sơ tuyển: 50.000 đồng/hồ sơ. Riêng sơ tuyển các ngành năng khiếu: 120.000 đồng/hồ sơ (bao gồm tất cả các môn).

- Phí đăng ký xét tuyển: Theo quy định hằng năm của các học viện, trường.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đăng ký cử tuyển đối với thí sinh cử tuyển (Mẫu số 1 kèm theo).

- Phiếu đăng ký dự tuyển (tờ khai) theo quy định của Bộ Quốc phòng (Mẫu số 2, Mẫu số 3 kèm theo).

- Phiếu khám sức khoẻ.

- Bản xác minh lý lịch chính trị.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đối tượng

* Tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở chính quy, đại học văn bằng 2 và cử tuyển đại học, cao đẳng, gồm:

- Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chưa qua đào tạo.

- Cán bộ chỉ huy, chiến sĩ dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ.

- Sĩ quan dự bị chưa xếp vào các đơn vị dự bị động viên.

- Cán bộ chỉ huy, chiến sĩ dân quân tự vệ.

- Cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên đang công tác tại cơ sở.

Riêng đối tượng cử tuyển đại học, cao đẳng còn phải đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ.

* Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng hình thức vừa làm vừa học: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và các đối tượng là nguồn cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã có bằng trung cấp ngành quân sự cơ sở.

* Tuyển sinh đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hình thức vừa làm vừa học: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và các đối tượng là nguồn cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã có bằng cao đẳng ngành quân sự cơ sở.

2. Tiêu chuẩn

* Tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở hệ chính quy

- Độ tuổi: Không quá 31 tuổi (tính đến năm tuyển sinh).

- Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

- Trình độ văn hóa: Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.

- Chính trị, phẩm chất đạo đức: Là đảng viên hoặc có đủ điều kiện phát triển thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Được cấp ủy, chính quyền cấp xã xác định là nguồn cán bộ quân sự cơ

sở trong quy hoạch của địa phương; thông qua quy trình xét tuyển, trúng tuyển được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và bố trí sử dụng sau đào tạo.

* Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, từ cao đẳng lên đại học hình thức vừa làm, vừa học

- Độ tuổi (tính đến năm tuyển sinh): Trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở từ trên 22 tuổi đến 45 tuổi; cao đẳng ngành quân sự cơ sở lên đại học ngành quân sự cơ sở từ trên 24 tuổi đến 45 tuổi.

- Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

- Học viên tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng ngành quân sự cơ sở đạt loại khá trở lên được tham gia dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp; tốt nghiệp loại trung bình phải có ít nhất 01 năm công tác tại cơ sở mới được tham gia dự tuyển.

- Có phẩm chất đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Được cấp ủy, chính quyền địa phương xác định trong quy hoạch nguồn cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; thông qua quy trình xét tuyển, trúng tuyển được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và giám sát việc sử dụng sau đào tạo.

* Tuyển sinh cử tuyển đào tạo đại học, cao đẳng

- Thực hiện theo quy định của đại học, cao đẳng quân sự.

- Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

- Được cấp ủy, chính quyền cấp xã quy hoạch là nguồn cán bộ quân sự cơ sở của địa phương; thông qua quy trình xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và bố trí sử dụng sau đào tạo.

* Tuyển sinh đào tạo đại học văn bằng 2

- Có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác.

- Độ tuổi (tính đến năm tuyển sinh): Đào tạo từ nguồn không quá 31 tuổi; là Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đương chức, không quá 45 tuổi.

- Chính trị, phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Được cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã xác định là nguồn cán bộ quân sự cơ sở trong quy hoạch của địa phương, thông qua quy trình xét tuyển, trúng tuyển được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và bố trí sử dụng sau đào tạo.

- Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014.

- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015.

- Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015.

- Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

- Thông tư số 31/2023/TT-BQP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.....thángnăm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYÊN

Kính gửi: Ban Tuyển sinh quân sự.....

1. Họ và tên người đăng ký học: Nam/nữ
 2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
 3. Dân tộc: Tôn giáo
 4. Địa chỉ thường trú (ghi rõ thôn, bản, xã, huyện, tỉnh):
.....
 5. Ngành dự định xin học:.....
Trình độ đào tạo (ĐH, CĐ, TC):.....
 6. Thuộc đối tượng ưu tiên.....
 7. Đã tốt nghiệp:.....
Ngày, tháng, năm dự thi tốt nghiệp:.....
 8. Xếp loại năm cuối cấp/cuối khoá: Học lực: ... Hạnh kiểm (rèn luyện)
 9. Điểm các môn thi THPT: Môn 1:....; Môn 2:....; Môn 3:; Môn 4:....; Môn
.....
 10. Điểm thi đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có).....
 11. Đạt giải (nếu có) môn
- kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi Olympic:năm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết: Chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với người học theo chế độ cử tuyển, sau khi tốt nghiệp sẽ chấp hành sự bố trí việc làm của Bộ Quốc phòng.

Khi cần, báo tin cho ai, địa chỉ, điện thoại (nếu có):.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ HỌC
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

- 1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP)
- 2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký sơ tuyển (ĐKST): Tỉnh (thành phố, QK, QĐ, QC, BC, TC...)
Quận (huyện, thị):
- 3- Trường ĐKST và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất): (Trước khi ghi, xem kỹ hướng dẫn tại mục IV, mặt sau phiếu ĐK-01C)
- Tên trường:
Ký hiệu trường Mã ngành
- Tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển:
- 4- Họ, đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh) Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0
- 5- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)
- 6- Nơi sinh:
- 7- Nơi đăng ký thường trú: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3) Mã tỉnh Mã huyện
- 8- Dân tộc: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.
- 9- Tôn giáo: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.
- 10- Nơi học THPT: (Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: Xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm; ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô mã).
Năm lớp 10:
Năm lớp 11:
Năm lớp 12:
- 11- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)
- 12- Năm tốt nghiệp THPT: (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô).
- 13- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ.....nơi đóng quân (ghi rõ thôn hoặc tương đương, xã, huyện, tỉnh).....
- 14- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào, thì ghi vào 2 ô mã, ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).
- 15- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)
- 16- Đối tượng sơ tuyển: (Thanh niên ghi số 0; quân nhân ghi số 1).
- 17- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa khi trúng tuyển:

Ghi chú: Sau ngày xét tuyển, mọi yêu cầu sửa đổi, nội dung lời khai sẽ không có giá trị.

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại:

Ngày tháng năm 202...

Người thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên, cấp bậc)

Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ảnh 4 x 6
(Đóng dấu
trùm lên góc bên
phải phía dưới ảnh)

Xác nhận người khai phiếu này

Ban TSQS huyện, quận, thị xã (đối với thanh niên ngoài Quân đội), đơn vị (đối với quân nhân đang tại ngũ):.....
.....xác nhận thí sinh
đang thường trú tại địa phương (hoặc đang tại ngũ tại đơn vị):

Ngày tháng năm 202...
(Ký tên, đóng dấu)

PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

- 1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP)
- 2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký sơ tuyển (ĐKST): Tỉnh (thành phố, QK, QĐ, QC, BC, TC...)
- Quận (huyện, thị):
- 3- Trường ĐKST và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất): (Trước khi ghi, xem kỹ hướng dẫn tại mục IV, mặt sau phiếu ĐK-01C)
- Tên trường:
- Ký hiệu trường Mã ngành
- Tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển:
- 4- Họ, đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh) Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0
- 5- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm
- (Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)
- 6- Nơi sinh:
- 7- Nơi đăng ký thường trú: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3) Mã tỉnh Mã huyện
- 8- Dân tộc: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.
- 9- Tôn giáo: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.
- 10- Nơi học THPT: (Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: Xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm; ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô mã).
- Năm lớp 10:
- Năm lớp 11:
- Năm lớp 12:
- 11- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)
- 12- Năm tốt nghiệp THPT: (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)
- 13- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ.....nơi đóng quân (ghi rõ thôn hoặc tương đương, xã, huyện, tỉnh).....
- 14- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào, thì ghi vào 2 ô mã, ký hiệu của đối tượng đó.
Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).
- 15- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)
- 16- Đối tượng sơ tuyển: (Thanh niên ghi số 0; quân nhân ghi số 1).
- 17- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa khi trúng tuyển:

Ghi chú:

- Sau ngày xét tuyển, mọi yêu cầu sửa đổi, nội dung lời khai sẽ không có giá trị.
- Địa chỉ liên lạc, điện thoại: Ghi rõ thôn, xã (số nhà, phố, phường), huyện; (quận), tỉnh (thành phố), đơn vị:

Người thu hồ sơ
(Ký ghi rõ họ tên, cấp bậc)

Ảnh 4 x 6
(Đóng dấu
trùm lên góc bên phải
phía dưới ảnh)

Ngày tháng năm 202...
Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

- 1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP)
- 2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký sơ tuyển (ĐKST): Tỉnh (thành phố, QK, QĐ, QC, BC, TC...)
- Quận (huyện, thị):
- 3- Trường ĐKST và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất): (Trước khi ghi, xem kỹ hướng dẫn tại mục IV, mặt sau phiếu ĐK-01C)

- Tên trường:

Ký hiệu trường

Mã ngành

- Tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển:

4- Họ, đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh) Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0

5- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)

Ngày

tháng

năm

6- Nơi sinh:

7- Nơi đăng ký thường trú:

(KV1, KV2-NT, KV2, KV3) Mã tỉnh Mã huyện

8- Dân tộc: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.

9- Tôn giáo: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.

10- Nơi học THPT: (Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: Xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm; ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô mã).

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

11- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

12- Năm tốt nghiệp THPT: (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô).

13- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ.....nơi đóng quân (ghi rõ thôn hoặc tương đương, xã, huyện, tỉnh).....

14- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào, thì ghi vào 2 ô mã, ký hiệu của đối tượng đó.

Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).

15- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)

16- Đối tượng sơ tuyển: (Thanh niên ghi số 0; quân nhân ghi số 1).

17- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa khi trúng tuyển:

Ngày tháng năm 202...

Thí sinh dự tuyển

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 202...

Nơi thu hồ sơ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ QUỐC PHÒNG
BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202... Phiếu ĐK 01 - A

1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQS BQP)

2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT): (QK, QC, QĐ, BC...).....

3- Tên trường ĐKXT (Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô mã) Mã trường

4- Ngành dự tuyển: (Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã ngành (nếu có) vào các ô mã) Mã ngành

5- Họ, đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh). Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0

6- Nơi sinh: Ghi rõ xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố).....

7- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm

8- Nơi đăng ký thường trú: Ghi rõ xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố). Mã tỉnh Mã huyện

9- Dân tộc: (Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào phần kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

10- Tôn giáo: (Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

11- Nơi học trung học phổ thông
(Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: Xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô).

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

12- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

13- Năm tốt nghiệp THPT (Ghi đủ 4 chữ số cuối của năm tốt nghiệp vào ô)

14- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ..... Nơi đóng quân (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

15- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì ghi vào 2 ô mã ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).

16- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)

17- Đối tượng dự tuyển: (Quân nhân ghi số 1).

18- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh khi trúng tuyển:

Địa chỉ liên lạc, điện thoại:.....

Ngày tháng năm 202...

Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên, cấp bậc)

Ảnh 4 x 6
(Đóng dấu
trùm lên góc bên
phải phía dưới ảnh)

Xác nhận của đơn vị cấp e và tương đương
Ban TSQS đơn vị:.....

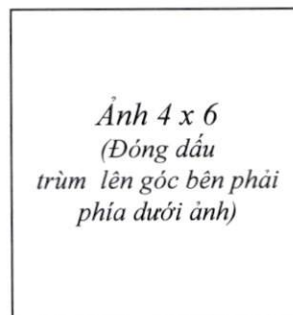
Xác nhận thí sinh..... là
quân nhân đang tại ngũ ở đơn vị.

Ngày tháng năm 202...
(Ký tên, đóng dấu)

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202...

- 1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQS BQP)
- 2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT): (QK, QC, QĐ, BC...).....
- 3- Tên trường ĐKXT (Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô mã) Mã trường
- 4- Ngành dự tuyển: (Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã ngành (nếu có) vào các ô mã) Mã ngành
- 5- Họ, đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh). Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0
- 6- Nơi sinh: Ghi rõ xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố).....
- 7- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)
- 8- Nơi đăng ký thường trú: Ghi rõ xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố).
(KV1, KV2-NT, KV2, KV3)..... Mã tỉnh Mã huyện
- 9- Dân tộc: (Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào phần kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....
- 10- Tôn giáo: (Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....
- 11- Nơi học trung học phổ thông
(Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: Xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô).
Năm lớp 10:
Năm lớp 11:
Năm lớp 12:
- 12- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)
- 13- Năm tốt nghiệp THPT (Ghi đủ 4 chữ số cuối của năm tốt nghiệp vào ô)
- 14- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ..... Nơi đóng quân (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....
- 15- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì ghi vào 2 ô mã ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).
- 16- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)
- 17- Đối tượng dự tuyển: (Quân nhân ghi số 1).
- 18- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh khi trúng tuyển:
- Địa chỉ liên lạc, điện thoại:.....

Người thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên, cấp bậc)



Ngày tháng năm 202...
Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202...

1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP)

2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT): (QK, QC, QĐ, BC...).....

3- Tên trường ĐKXT (Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô mã) Mã trường

4- Ngành dự tuyển: (Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã ngành (nếu có) vào các ô mã) Mã ngành

5- Họ, đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh). Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0

6- Nơi sinh: Ghi rõ xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố).....

7- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)

8- Nơi đăng ký thường trú: Ghi rõ xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố). Mã tỉnh Mã huyện
(KV1, KV2-NT, KV2, KV3).....

9- Dân tộc: (Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào phần kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

10- Tôn giáo: (Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

11- Nơi học trung học phổ thông
(Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: Xã (phường), huyện (quận, thị), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô).

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

12- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

13- Năm tốt nghiệp THPT (Ghi đủ 4 chữ số cuối của năm tốt nghiệp vào ô)

14- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ..... Nơi đóng quân (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

15- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì ghi vào 2 ô mã ký hiệu của đối tượng đó.
Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).

16- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)

17- Đối tượng dự tuyển: (Quân nhân ghi số 1).

18- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh khi trúng tuyển:

.....

.....

.....

Địa chỉ liên lạc, điện thoại:.....

.....

Ngày tháng năm 202...

Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 202...

Nơi thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)